FireAnt

CTCP Thương mại và Xây dựng Đông Dương (UPCOM: DDB)

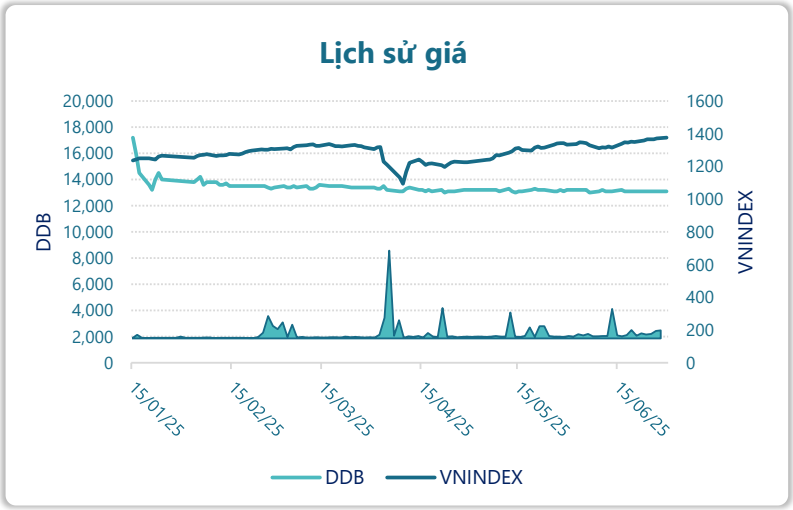

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,000
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,530
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	157
P/E	27.0
EPS	484

DT thuần

Q2/25

123

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 50.8| 70.8%

YoY: ▼4.00| -2.9%

LN sau thuế

Q2/25

0.50

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.48| -48.6%

YoY: ▼0.01| -1.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.9%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

6T 2025

196

tỷ VNĐ

YoY: ▼35.0| -15.5%

LN sau thuế

6T 2025

1.49

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.80| -54.8%

ROE

Q2/25

3.9%

+/- YoY: ▼ 2.7%

Kết quả kinh doanh

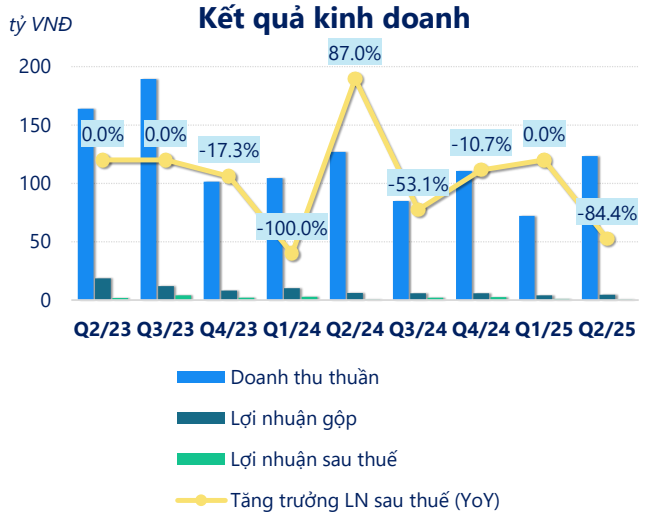

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

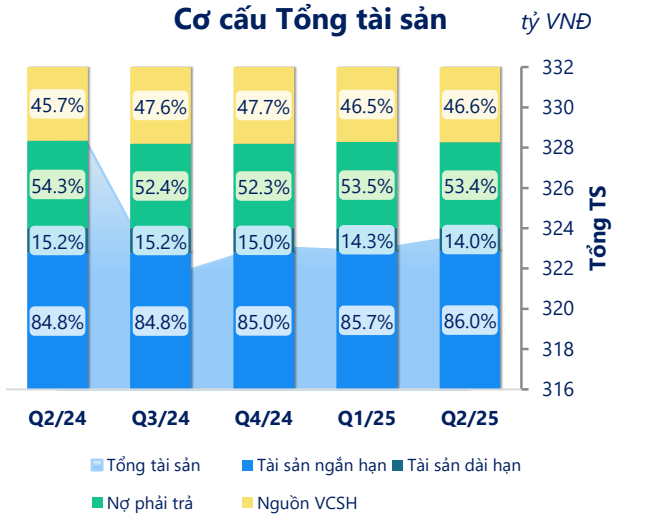

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

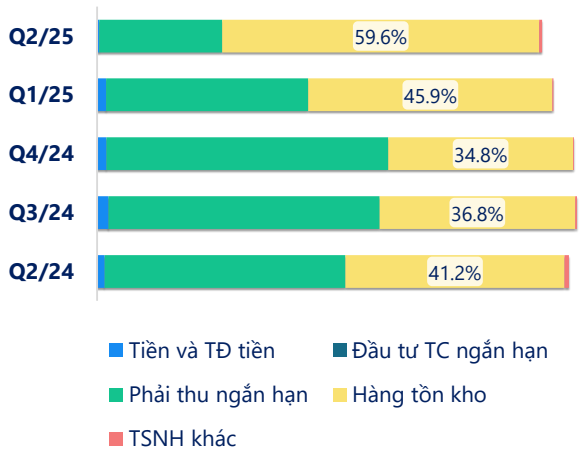

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

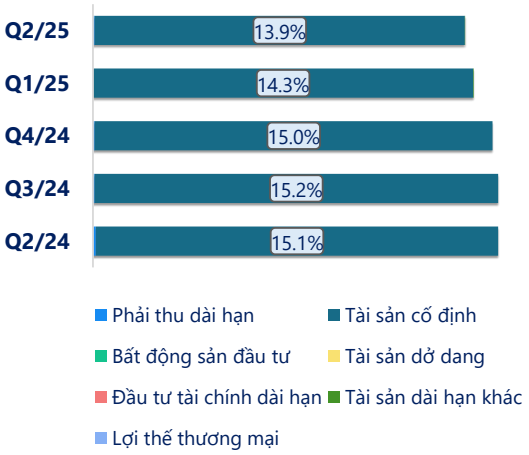

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

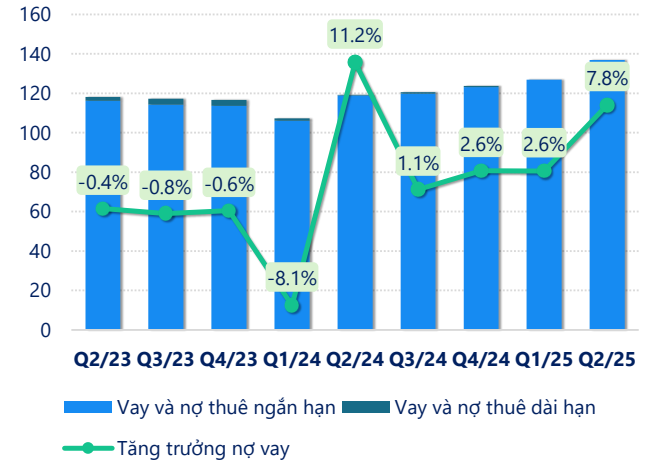

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

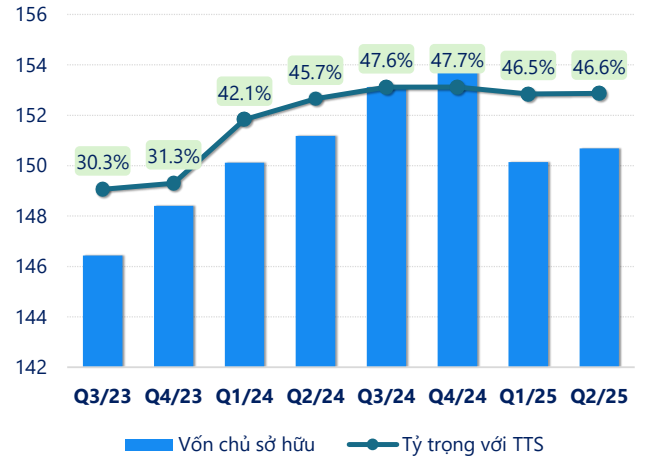

(Nguồn: fireant.vn)

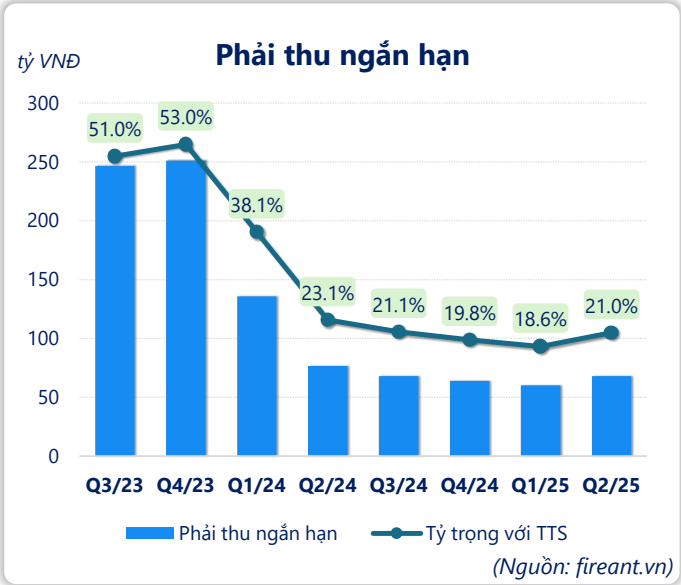
Phải thu ngắn hạn
tỷ VNĐ
300
250
200
150
100
50
0
51.0%
53.0%
38.1%
23.1%
21.1%
19.8%
18.6%
21.0%
Q3/23
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Q2/25
Phải thu ngắn hạn
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

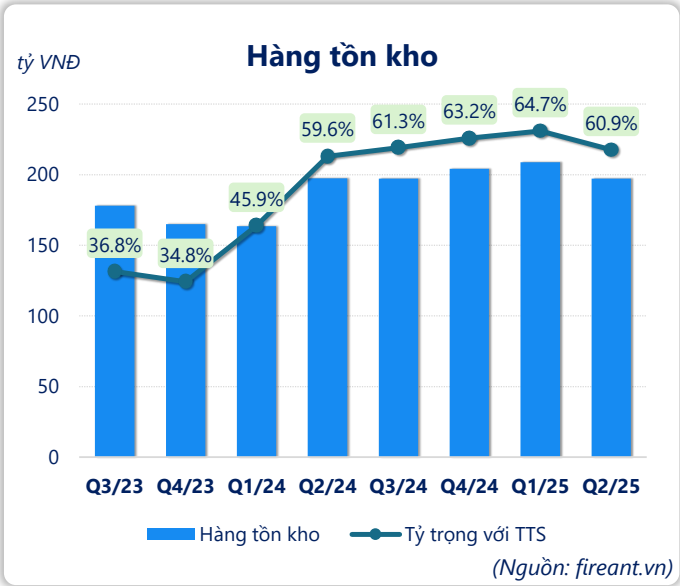
Hàng tồn kho
tỷ VNĐ
250
200
150
100
50
0
36.8%
34.8%
45.9%
59.6%
61.3%
63.2%
64.7%
60.9%
Q3/23
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Q2/25
Hàng tồn kho
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

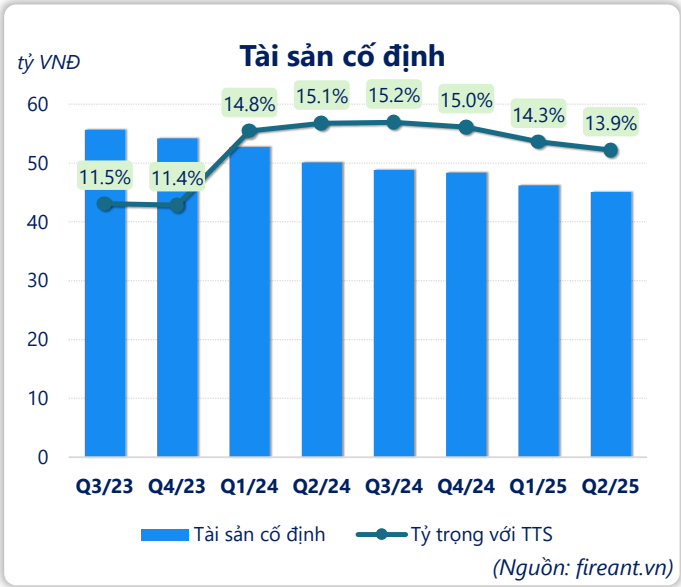
Tài sản cố định
tỷ VNĐ
60
50
40
30
20
10
0
11.5%
11.4%
14.8%
15.1%
15.2%
15.0%
14.3%
13.9%
Q3/23
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Q2/25
Tài sản cố định
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

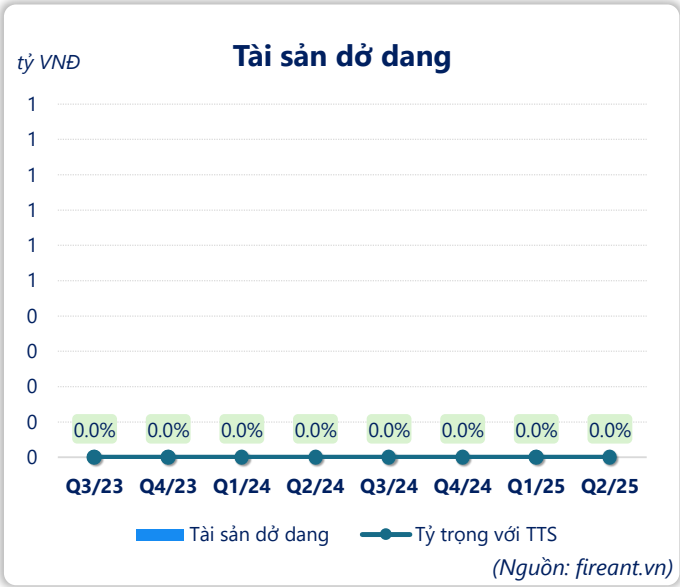
Tài sản dở dang
tỷ VNĐ
1
1
1
1
1
1
0
0
0
0
0
0.0%
0.0%
0.0%
0.0%
0.0%
0.0%
0.0%
0.0%
Q3/23
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Q2/25
Tài sản dở dang
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

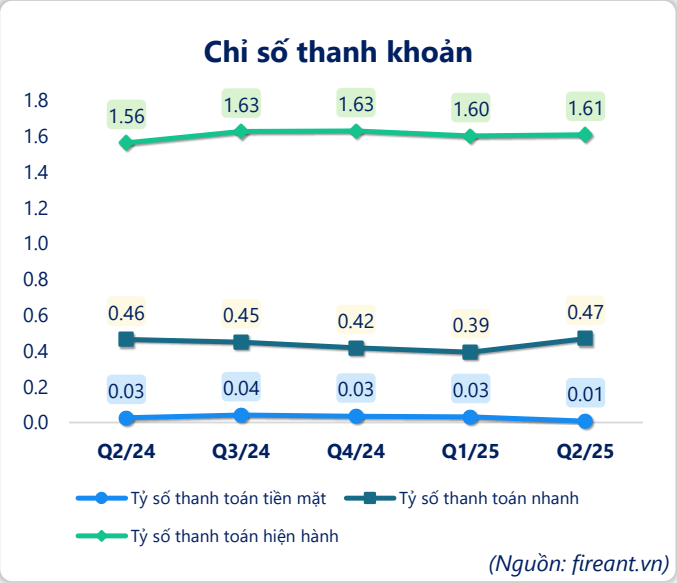
Chỉ số thanh khoản
1.8
1.6
1.4
1.2
1.0
0.8
0.6
0.4
0.2
0.0
1.56
1.63
1.63
1.60
1.61
0.46
0.45
0.42
0.39
0.47
0.03
0.04
0.03
0.03
0.01
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Q2/25
Tỷ số thanh toán tiền mặt
Tỷ số thanh toán nhanh
Tỷ số thanh toán hiện hành
(Nguồn: fireant.vn)

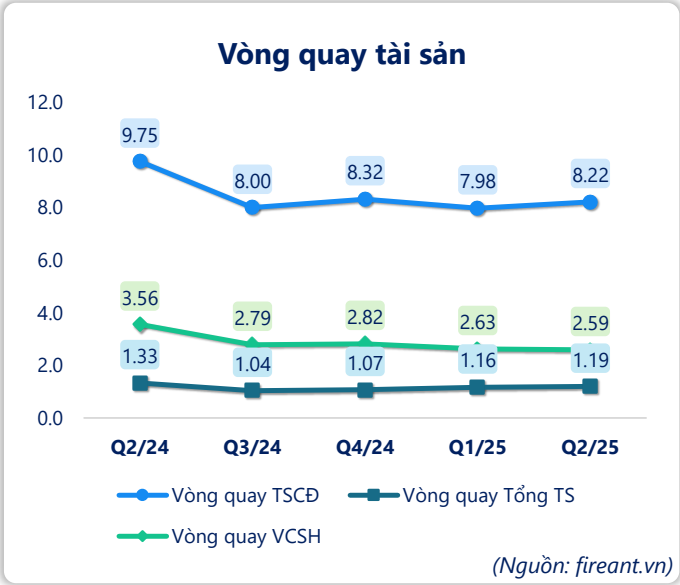
Vòng quay tài sản
12.0
10.0
8.0
6.0
4.0
2.0
0.0
9.75
8.00
8.32
7.98
8.22
3.56
2.79
2.82
2.63
2.59
1.33
1.04
1.07
1.16
1.19
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Q2/25
Vòng quay TSCĐ
Vòng quay Tổng TS
Vòng quay VCSH
(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**331**	**321**	**323**	**323**	**324**
Tài sản ngắn hạn	**281**	**272**	**275**	**277**	**278**
Tiền và tương đương tiền	4.77	7.00	5.77	5.44	1.32
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	1.50	11.5
Phải thu ngắn hạn	76.6	68.0	63.9	60.1	67.9
Hàng tồn kho	197	197	204	209	197
Tài sản ngắn hạn khác	1.85	0.33	0.57	0.78	0.44
Tài sản dài hạn	**50.4**	**49.0**	**48.6**	**46.2**	**45.3**
Phải thu dài hạn	0.37	0.20	0.22	0	0.22
Tài sản cố định	50.1	48.8	48.3	46.2	45.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0.05	0.04
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**180**	**168**	**169**	**173**	**173**
Nợ ngắn hạn	**179**	**168**	**168**	**173**	**173**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	119	120	123	127	137
Phải trả người bán ngắn hạn	32.3	19.6	22.9	18.6	9.34
Nợ dài hạn	0.30	0.84	0.66	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0.30	0.84	0.66	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**151**	**153**	**154**	**150**	**151**
Vốn chủ sở hữu	**151**	**153**	**154**	**150**	**151**
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)